

Bản án số: 110/2023/HSST
Ngày: 11-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Tâm

2. Ông Danh Hoàng Duyên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Khanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Văn K – Sinh năm: 1981, tại A, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm biển; Giới tính: Nam; con ông Nguyễn Thành N và bà Trần Thị C; Vợ: Tôn Thị D; Con: 01 người, sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh K. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Thành L – Sinh năm: 1990, tại A, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp G, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Tiền án, tiền sự: Không; giới tính: Nam; con ông Phạm Thanh H và bà Cao Thị Kim B, vợ: Nguyễn Thị T. Con: 02 người, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh K. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Đinh Văn T1; Sinh năm: 1991 tại Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp X, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Tiền án, tiền sự: Không; giới tính: Nam; con ông Đinh Văn T2 và bà Cái Kim H1. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ

ngày 28/9/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh K. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Luật sư **Nguyễn D1** – Văn phòng L2, Đoàn Luật sư tỉnh K tham gia bào chữa chỉ định cho bị cáo Phạm Thành L và Đinh Văn T1. (Có mặt)

2. Luật sư **Tiêu Tường T3** – Văn phòng L3, Đoàn Luật sư tỉnh K tham gia bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn K. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Thanh S**, sinh năm: 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà **Tôn Thị D**, sinh năm: 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thanh S:* Luật sư **Phạm Phú V** – Văn phòng Luật sư Phạm Văn C1, Đoàn Luật sư tỉnh K. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- **Vụ thứ nhất:** Vào khoảng ngày 16/8/2022, Nguyễn Văn K liên hệ với Phạm Thành L hỏi mua dầu lậu DO trên vùng biển Campuchia đem về bán lại cho các tàu đánh bắt hải sản ở vùng biển xã T, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; K cho L hưởng 100 đồng/lít, L đồng ý. Lập điện thoại cho ông A (không rõ nhân thân và địa chỉ ở nước nào, do trước đây L đi ghe thu mua trên biển có mua dầu của ông A Li nên quen biết) thông qua mạng Internet để trao đổi cách thức mua dầu lậu DO trên biển; ông A1 cho L biết địa điểm, vị trí nhận dầu ở tọa độ 9⁰ 53' Bắc – 102⁰ 53' Đông, thuộc khu vực vùng biển nước Campuchia (bút lục số: 281a, 281b, 491, 492, 493). K đồng ý mua số lượng 30.000 lít, giá tiền 20.050 đồng, K giao tiền mặt cho L nhận số tiền 601.500.000 đồng xong, L giao lại cho người của ông A (không biết họ tên) đến nhận, L cung cấp tọa độ lại cho K. Khỏi bồi xỏa số ký hiệu chiếc tàu cá KG 95873TS của K, sửa thành ký hiệu KG 95273TS, K thuê Đinh Văn T1 ngày 600.000 đồng làm thuyền trưởng và nhờ thuê dùm Nguyễn Văn D2 Em, Cái N, Nguyễn Văn T4 theo phụ giúp trên tàu ngày công 300.000 đồng. K cung cấp cho T1 biết địa điểm đến khu vực có vị trí tọa độ 9⁰ 53' Bắc – 102⁰ 53' Đông, thuộc khu vực vùng biển nước Campuchia để nhận dầu DO lậu. Thật điều khiển tàu đến tọa độ 9⁰ 53' Bắc – 102⁰ 53' Đông thuộc vùng biển Campuchia (chỉ một mình Thật biết mua và nhận dầu thuộc vùng biển Campuchia), còn lại Dũng E, C2, T4 chỉ làm nhiệm vụ phụ giúp trên tàu (không biết việc mua bán dầu lậu). Sau khi nhận dầu xong, K chỉ đạo cho T1 chạy tàu đến vùng biển xã T, thành phố P, tỉnh Kiên Giang bán lại cho những tàu đánh bắt hải sản trên biển số lượng bao nhiêu lít, T1 báo lại cho K biết để đi thu tiền giá 20.550 đồng.

- **Vụ thứ hai:** Khoảng 10 ngày sau (không nhớ ngày), K trả tiền mặt cho L số tiền 802.000.000 đồng mua 40.000 lít dầu DO, giá 20.050 đồng, L giao tiền lại cho

lính của ông A1 đến nhận (không biết tên họ), ông A cung cấp vị trí tọa độ $9^{\circ} 53'$ Bắc – $102^{\circ} 53'$ Đông, thuộc khu vực vùng biển nước Campuchia cho L. Lập báo cho K biết tọa độ, sau đó T1 điều khiển tàu chạy đến vùng biển Campuchia nhận dầu xong. K kêu Thật điều khiển tàu chạy về xã T bán cho các tàu cá (không rõ địa chỉ) khoảng 10.000 lít. Số còn lại K chỉ đạo cho T1 chạy tàu về thứ 6, huyện A, tỉnh Kiên Giang bán lại cho ông Nguyễn Thanh S giá 20.550 đồng/lít, S thanh toán tiền mặt cho K.

- **Vụ thứ ba:** Vào ngày 24/9/2022, Nguyễn Văn K liên hệ với Phạm Thành L mua 48.000 lít dầu lậu DO giá tiền 20.050 đồng/1 lít, K chuyển cho L nhận số tiền 962.400.000 đồng xong, L chuyển lại cho người của ông A1 (không biết tên, họ) nhận xong, ông A cung cấp cho L vị trí nhận dầu tọa độ $9^{\circ} 53'$ Bắc – $102^{\circ} 53'$ Đông, thuộc khu vực vùng biển nước Campuchia. Lập thông báo lại cho K. K cung cấp cho T1 biết địa điểm đến khu vực có vị trí tọa độ $9^{\circ} 53'$ Bắc – $102^{\circ} 53'$ Đông, thuộc khu vực vùng biển nước Campuchia để mua và nhận dầu lậu. Thật điều khiển tàu, đến khoảng 13 giờ ngày 26/9/2022 thì đến tọa độ $9^{\circ} 53'$ Bắc – $102^{\circ} 53'$ Đông thuộc vùng biển Campuchia. Thật quan sát xung quanh thấy chiếc tàu sắt dài khoảng 60 mét, sơn màu đen, cabin màu trắng xám đang neo đậu, khi thấy chiếc tàu của Thật thì chiếc tàu sắt ra tín hiệu cho T1 chạy đến đậu cặp chiếc tàu sắt để nhận dầu. Thật nhận dầu xong, điều khiển tàu chạy về Cảng X, huyện A, tỉnh Kiên Giang đến ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang đậu lại, lúc này khoảng 13 giờ 30 ngày 27/9/2022, Thật báo cho K biết tàu đã vào khu vực đất liền. Khải hướng dẫn cho Thật neo đậu tàu tại ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang chờ đêm tối sẽ giao dầu, còn giao cho ai và địa điểm nào K chưa báo cho T1 biết. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, Lực lượng Công an huyện A, tỉnh Kiên Giang tiến hành kiểm tra tàu KG 95873TS thì phát hiện chở dầu không rõ nguồn gốc và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

*** Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

Các bị can Nguyễn Văn K, Phạm Thành L, Đinh Văn T1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nguyễn Văn K, Phạm Thành L, Đinh Văn T1 sau khi bị bắt đã khai nhận trước đó thực hiện vận chuyển dầu DO lậu từ vùng biển Campuchia về Kiên Giang 02 lần số lượng 70.000 lít.

* Căn cứ Công văn số 3160/BTL-TM ngày 03/10/2022 của Bộ tư lệnh vùng Cảnh sát biển 4 xác định: điểm có tọa độ độ $\varphi = 09^{\circ} 53' N$; $\lambda = 102^{\circ} 53' E$ thuộc vùng biển của quốc gia Campuchia.

* Căn cứ kết luận giám định số 951/KL-KTHS ngày 14/10/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh K kết luận: Trong thiết bị định vị điện tử màu xám có ký hiệu HGP- 358A bên hông có ghi chữ “KHẢI 20” bằng viết sơn màu trắng: 10 tọa độ vị trí trong đó có 09 (chín) tọa độ vị trí nằm trong vùng nước lịch sử và 01 (một) tọa độ thuộc vùng biển Campuchia do Bộ tư lệnh vùng Cảnh sát biển 4 xác nhận.

* Tại Kết luận về việc định giá tài sản số 32/KL-HĐĐG ngày 30/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh Kiên Giang kết luận như sau:

- 46.016 (Bốn mươi sáu nghìn không trăm mười sáu) lít dầu diesel có giá trị là 1.057.447.680 đồng.

- 01 (Một) tàu đánh cá vật liệu gỗ; Biển số KG – 95373-TS (giấy đăng ký KG-95873-TS); kiểu tàu đánh cá; trọng tải toàn phần 30.25 tấn; chiều dài 17.10 mét; chiều rộng 4,15 mét; ký hiệu máy CUMMINS KTA19 đã qua sử dụng; có giá trị tài sản là 900.000.000 đồng.

* Căn cứ bản kết luận giám định số 95/KL-KTHS ngày 14/10/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh K kết luận:

01 (một) thiết bị định vị điện tử màu xám ký hiệu KG-95273-TS (giấy phép đăng ký KG-95873) khi bị bắt quả tang: Chụp ảnh vị trí tọa độ đánh dấu điều hướng phương tiện trong thiết bị có 10 tọa độ vị trí trong đó có 09 tọa độ vị trí nằm trong vùng nước lịch sử và 01 tọa độ thuộc vùng biển Campuchia do Bộ tư lệnh vùng Cảnh sát biển 4 xác nhận

* Căn cứ bản giám định số 5266/KL-KTHS ngày 16/8/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong jile âm thanh mẫu cần giám định; tiếng nói của nam trong jile âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của đối tượng Nguyễn Thanh S trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

*** Về thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng;**

ội đồng định giá

+ = ++ + Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 (Một) điện thoại hiệu Iphone 6, màu trắng, đã qua sử dụng của Phạm Thành L.

- 01 (Một) thiết bị định vị điện tử màu xám, có in ký hiệu HGP – 358A, bên hông có ghi chữ “Khải 20” màu trắng, đã qua sử dụng của Đinh Văn T1.

- 01 (Một) thiết bị điện thoại bàn phím màu đen số Imel 35887620 – 264939 – 0 của Đinh Văn T1.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh đã qua sử dụng của Nguyễn Văn K.

- 01 (Một) điện thoại VIVO màu tím đã qua sử dụng của Nguyễn Văn K.

- 01 (Một) tàu cá vật liệu gỗ, số hiệu đăng ký KG 95273 –TS (giấy đăng ký KG 95873 – TS); kiểu tàu đánh cá; tải trọng toàn phần 30.25 tấn; chiều dài 17.10 mét; chiều rộng 4.15 mét; ký hiệu máy CUMMINS KTA19 đã qua sử dụng.

- 46.000 lít dầu DO, được thuê kho bảo quản và niêm phong tại kho xăng dầu của Công ty L4 ở địa chỉ ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn K nộp lại số tiền thu lợi bất chính bán 02 chuyến dầu DO 70.000 lít lời số tiền là 15.000.000 đồng và Phạm Thành L nộp số tiền hưởng chênh lệch thu lợi bất chính số tiền 11.600.000 đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

Tại bản Cáo trạng số: 85/CT – VKSTKG – P2 ngày 16/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn K, Phạm Thành

L, Đinh Văn T1 phạm tội “*Buôn lậu*” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

* *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau:* Vị đại diện Viện kiểm sát quyết định giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn K, Phạm Thành L, Đinh Văn T1 về tội “***Buôn lậu***” theo khoản 4 Điều 188 BLHS năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2017; và nhận định rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được hành vi buôn lậu là pháp luật nghiêm cấm, chỉ vì háo lợi mà các bị cáo đã bất chấp cùng lao vào con đường phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về xuất, nhập khẩu hàng hóa (trong đó có dầu Diesel), hành vi này còn gây mất an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Số lượng dầu các bị cáo phạm tội trong vụ án này là 46.016 lít, là số lượng lớn. Do vậy, cần phải xử lý các bị cáo mức án nghiêm mới tương xứng tính chất hậu quả hành vi các bị cáo đã gây ra nhằm đề rắn đe phòng ngừa chung. Trong vụ án này, bị cáo K là người giữ vai trò chính nên cần xử lý bị cáo mức án cao hơn 02 bị cáo L và T1.

- *Về tình tiết tăng nặng:* Các bị cáo phạm tội hai lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú về lần phạm tội trước mà cơ quan điều tra chưa phát hiện; bị cáo L, K nộp lại số tiền thu lợi bất chính, gia đình bị cáo K là người có công cách mạng, 02 bị cáo L và T1 là lao động làm thuê... Đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm s và r khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, và áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 làm tình tiết giảm nhẹ thêm cho 03 bị cáo.

Từ những căn cứ trên đề nghị HĐXX:

* *Về hình phạt:*

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 188, điểm s và r khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 và 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. ***Xử phạt:*** Bị cáo **Nguyễn Văn K** - ***Mức án từ 10 đến 12 năm tù.***

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 188, điểm s và r khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 và 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. ***Xử phạt:*** Bị cáo **Đinh Văn T1** - ***Mức án từ 08 đến 10 năm tù***

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 188, điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. ***Xử phạt:*** Bị cáo **Phạm Thành L** - ***Mức án từ 08 đến 10 năm tù***

* *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015,

Đề nghị tuyên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước các vật chứng dùng vào việc phạm tội và buộc bị cáo L và K nộp lại số tiền thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc tàu KG – 95873TS, đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo K và Tôn Thị D, bị cáo K đã dùng vào việc phạm tội trong vụ án này. Việc bị cáo K sử dụng vào việc phạm tội bà D hoàn toàn không biết nên không có lỗi. Vì vậy, không thể tịch thu hết 100% giá trị chiếc tàu trên. Do đó, sau khi án có hiệu lực pháp luật, giao chiếc tàu mang số hiệu KG – 95873TS cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang phát mãi để tịch thu sung quỹ Nhà nước 50% giá trị chiếc tàu (đối với 50% phần giá trị tài sản của bị cáo K), giá trị còn lại 50% hoàn trả lại cho bà Tôn Thị D.

*** Luật sư T3 phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo K cho rằng:** Thống nhất Cáo trạng truy tố bị cáo K theo khoản 4 Điều 188 BLHS, tuy nhiên, mức án mà Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án từ 10 đến 12 năm tù là quá nghiêm khắc, bởi: Trong quá trình điều tra, tại phiên toà bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trong vụ án này bị cáo chỉ mua bán chỉ 03 lần, (trong đó tính luôn có lần bị bắt), trong đó lần thứ 2 bị cáo đã khai bán cho ông Nguyễn Thanh S nhưng không khấu trừ cho bị cáo, vì lần này ông S không thừa nhận, bị cáo phạm tội trong hoàn cảnh khó khăn (trước đây bị cáo làm nghề đánh bắt hải sản, do giá dầu lên cao bị cáo không đủ khả năng), số tiền thu lợi bất chính (sau khi Cáo trạng xác định lại là chỉ có 15.000.000 đồng) là số tiền không lớn, hiện đã nộp lại số tiền thu lợi trên. Gia đình bị cáo rất khó khăn, là lao động chính, vợ thì không nghề nghiệp ổn định, gia đình là người có công cách mạng, bản thân tự khai ra lần phạm tội trước mà CQĐT chưa phát hiện... Từ những căn cứ trên đề nghị HĐXX áp dụng các điểm s và r khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 BLHS làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức án thấp hơn Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Đối với chiếc tàu mang số hiệu KG – 95873TS là tài đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo mua của ông D2, đến nay vợ chồng bị cáo cũng chưa có tiền để trả số nợ còn lại cho ông D2, chiếc tàu là nguồn sinh sống hằng ngày của gia đình vợ chồng bị cáo. Việc bị cáo dùng vào việc phạm tội bà D không hề hay biết... Do vậy, mong HĐXX trả lại chiếc tàu KG – 95873TS cho bị cáo để bị cáo và gia đình có nguồn sinh sống cũng như kiếm tiền trả hết nợ cho ông D2.

*** Luật sư D1 phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo L, T1 cho rằng:**

Thống nhất Cáo trạng truy tố bị cáo K theo khoản 4 Điều 188 BLHS, tuy nhiên, mức án mà Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án từ 8 đến 10 năm tù là quá nghiêm khắc, bởi: Trong quá trình điều tra, tại phiên toà bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tự nguyện khai ra lần phạm tội trước đó mà chưa bị phát hiện, phạm tội mang tính chất đơn gian, số tiền thu lợi của L không lớn và đã nộp lại, bị cáo T1 chưa có thu lợi, bản thân 02 bị cáo chỉ là lao động làm thuê, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn... Từ những căn cứ trên đề nghị HĐXX áp dụng các điểm s và r khoản 1, 2 Điều 51 và áp dụng thêm khoản

2 Điều 54 BLHS làm tình tiết giảm nhẹ cho 02 bị cáo và xử phạt 02 bị cáo mức án từ 04 đến 05 năm tù cũng đủ nghiêm.

*** Luật sư V phát biểu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thanh S.** Hoàn toàn thống nhất cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang. Thống nhất Cáo trạng nhận định đối với hành vi của ông Nguyễn Thanh S. Trong vụ án này chưa đủ căn cứ xác định vai trò của ông Nguyễn Thanh S như trình bày của các bị cáo tại phiên tòa. Do vậy, ông S không có liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi bị truy tố của bị cáo:*

Vào khoảng ngày 16/8/2022 đến ngày 25/9/2022, Nguyễn Văn K bàn bạc với Phạm Thành L giới thiệu mua dầu lậu DO trên vùng biển Campuchia đem về bán lại cho các tàu đánh bắt hải sản ở vùng biển xã T, thành phố P và trong đất liền tỉnh Kiên Giang; K cho L hưởng 100 đồng/lít, L điện thoại cho ông A (không rõ nhân thân và địa chỉ ở nước nào) thông qua mạng Internet để trao đổi cách thức mua dầu lậu DO trên biển giá 20.050 đồng/lít; ông A1 đồng ý cho L địa điểm, vị trí nhận dầu ở tọa độ 9⁰ 53' Bắc – 102⁰ 53' Đông, thuộc khu vực vùng biển nước Campuchia. Lập báo lại cho K biết; khai thuê Đình Văn T1 làm thuyền trưởng điều khiển chiếc tàu cá KG 95873TS (bôi xóa số ký hiệu thành số hiệu KG 95273TS) đến tọa độ 9⁰ 53' Bắc – 102⁰ 53' Đông, thuộc khu vực vùng biển nước Campuchia mua chuyển thứ nhất 30.000 lít, giá tiền 20.050 đồng/lít, K trả tiền cho L nhận 601.500.000 đồng, L giao lại cho lính ông A1 (Không biết tên). K chỉ đạo cho T1 chạy tàu đến vùng biển xã T, thành phố P bán cho các tàu đánh bắt hải sản giá 20.550 đồng; Lần thứ 2: mua số lượng 40.000 lít, giá tiền 20.050 đồng, K giao cho L nhận 802.000.000 đồng, L giao lại cho lính ông A; khai kêu Thật chạy tàu đến vùng biển xã T bán khoảng 10.000 lít, giá 20.550 đồng. Số còn lại vào đất liền bán cho ông Nguyễn Thanh S. Ngày 24/9/2022, Nguyễn Văn K mua 48.000 lít dầu DO với giá là 20.050 đồng/1lít và chuyển tiền cho L nhận 962.400.000 đồng. Lập chuyển tiền mua dầu cho ông A1 xong, T1 điều khiển tàu đến tọa độ là 9⁰ 53' Bắc – 102⁰ 53' Đông thuộc vùng biển Campuchia nhận 48.000 lít dầu DO xong. Thật điều khiển tàu chạy về Cảng X, huyện A, tỉnh Kiên Giang đến ấp T, xã Đ, huyện A

đậu lại chờ đêm tối để giao dầu. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày T1 bị Công an huyện A, tỉnh Kiên Giang kiểm tra bắt quả tang. Theo kết luận định giá tài sản số lượng 46.016 lít trị giá là 1.057.447.680 đồng. Tổng cộng Nguyễn Văn K, Phạm Thành L, Đinh Văn T1 buôn lậu 03 chuyến dầu DO từ Campuchia về vùng biên tỉnh Kiên Giang với số lượng là 116.016 lít. Nguyễn Văn K thu lợi bất chính, trừ chi phí còn 15.000.000 đồng và Phạm Thành L thu lợi bất chính hưởng hoa hồng số tiền 11.800.000 đồng.

Xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo đã phù hợp với nội dung Cáo trạng, kết luận điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn K, Phạm Thành L, Đinh Văn T1 đều phạm tội “*Buôn lậu*” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu hàng hóa qua biên giới, gây tác hại xấu đến sự phát triển ổn định và lành mạnh của nền kinh tế nước ta. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích lợi nhuận mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội.

Trong vụ án này, bị cáo K là người giữ vai trò chính, khởi xướng việc phạm tội, rủ 02 bị cáo L và T1 và nói cho các bị cáo biết về việc mua dầu từ Campuchia đem về Việt Nam bán để kiếm lời, đồng thời thống nhất nhau là bị cáo L có nhiệm vụ liên hệ với người tên A1 bàn bạc thỏa thuận giá dầu và cách thức giao nhận dầu trên biển; làm trung gian trong việc mua bán dầu giữa bị cáo K và người tên A1; được bị cáo K cho hưởng tiền chênh lệch giá dầu. Bị cáo K là người mua dầu, chuẩn bị phương tiện (tàu cá), nhân công để chở dầu về và chỉ đạo, hướng dẫn cho tàu chở dầu neo đậu khi vào đất liền. Bị cáo T1 là người lái tàu chở dầu theo sự chỉ đạo của bị cáo K, mặc dù biết là chở dầu lậu nhưng bị cáo vẫn thực hiện.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực, nhận thức được hành vi buôn lậu dầu của mình là pháp luật nghiêm cấm, nhưng chỉ vì háms lợi mà các bị cáo đã bất chấp cùng lao vào con đường phạm tội. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về xuất, nhập khẩu hàng hóa (trong đó có dầu Diesel, là mặt hàng các bị cáo đã thực phạm tội), hành vi này đã gây ảnh hưởng tình mối quan hệ hợp tác thương mại giữa Việt Nam – Campuchia, mặt khác còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, số lượng dầu các bị cáo phạm tội trong vụ án này là 46.016 lít, là số lượng dầu lớn. Do vậy, cần phải xử lý các bị cáo mức án nghiêm mới tương xứng tính chất hậu quả hành vi các bị cáo đã gây ra.

Trong vụ án này, bị cáo K là người giữ vai trò chính nên cần xử lý bị cáo mức án phải cao hơn 02 bị cáo L và T1, còn hai bị cáo L và T1 là đồng phạm giúp sức cho K nên cũng cần xem xét vai trò của 02 bị cáo và xử phạt 02 bị cáo mức ngang nhau và thấp hơn bị cáo K là thoả đáng.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo phạm tội nhiều lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết tăng nặng.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú về lần phạm tội trước đó mà cơ quan điều tra chưa phát hiện; bị cáo L, K nộp lại số tiền thu lợi bất chính; gia đình bị cáo K có anh ruột là liệt sĩ, bị cáo T1 chưa có thu lợi bất chính, các bị cáo là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự... Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại các điểm s và r khoản 1, 2 Điều 51 làm tình tiết giảm nhẹ chung cho các bị cáo và áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 BLHS; làm tình tiết giảm nhẹ thêm cho các bị cáo và xử phạt các bị cáo mức án dưới khung hình phạt và thấp hơn đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát cũng đủ nghiêm nhằm thể hiện sự khoan hồng pháp luật của nước ta.

[5] *Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát*: Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp. Tuy nhiên, mức án mà V1 đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xử phạt 03 như trên là có phần hơi nghiêm, nên HĐXX xử giảm nhẹ thêm cho các bị cáo so với đề nghị cũng đủ nghiêm.

[6] *Xét đề nghị của vị Luật sư T3 bào chữa cho bị cáo K*: Về đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, Vị Luật sư đề nghị HĐXX xem xét trả lại chiếc tàu KG – 95873TS cho bị cáo và gia đình là không phù hợp như nhận định phân tích trên của HĐXX nên không chấp nhận.

[7] *Xét đề nghị của vị Luật sư D1 bào chữa cho 02 bị cáo T1 và L*: Về đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và xử phạt thấp hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận. Đối với ý kiến của Vị Luật sư, đề nghị HĐXX áp dụng thêm khoản 2 Điều 54 BLHS xử phạt 02 bị cáo mức án từ 04 đến 05 năm tù là không phù hợp như nhận định phân tích trên của HĐXX nên không chấp nhận.

[8] *Xét quan điểm của Luật sư V phát biểu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Thanh S*: Cho rằng trong vụ án này chưa đủ căn cứ xác định vai trò của ông Nguyễn Thanh S là người tiêu thụ dầu của bị cáo K. Do vậy, ông S không có liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo. HĐXX nhận thấy ý kiến này của Vị Luật sư là chưa phù hợp, bởi: Theo lời khai của bị cáo K, trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, chỉ duy nhất lời khai của bị cáo K, cũng như USB ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà D (Vợ bị cáo K) và ông Nguyễn

Thanh S, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác, nên chưa đủ cơ sở chứng minh hành vi phạm tội của ông S. Cơ Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K tiếp tục điều tra xác minh rõ xử lý sau.

[9] *Về xử lý vật chứng*: Các vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (Một) điện thoại hiệu Iphone 6, màu trắng, đã qua sử dụng của Phạm Thanh L1.

- 01 (Một) thiết bị định vị điện tử màu xám, có in ký hiệu HGP – 358A, bên hông có ghi chữ “Khải 20” màu trắng, đã qua sử dụng của Đinh Văn T5.

- 01 (Một) thiết bị điện thoại bàn phím màu đen số Imel 35887620 – 264939 – 0 của Đinh Văn T1.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh đã qua sử dụng của Nguyễn Văn K.

- 01 (Một) điện thoại VIVO màu tím đã qua sử dụng của Nguyễn Văn K.

- 46.000 lít dầu DO, được thuê kho bảo quản và niêm phong tại kho xăng dầu của Công ty L4 ở địa chỉ ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Xét thấy, các vật chứng trên phương tiện, công cụ phạm tội nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Riêng đối với 01 (Một) tàu cá vật liệu gỗ, số hiệu đăng ký KG 95273 –TS (giấy đăng ký KG 95873 – TS); kiểu tàu đánh cá; tải trọng toàn phần 30.25 tấn; chiều dài 17.10 mét; chiều rộng 4.15 mét; ký hiệu máy CUMMINS KTA19 (đã qua sử dụng), đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo K và bà Tôn Thị D, bị cáo K đã dung vào việc phạm tội trong vụ án này. Việc bị cáo K sử dụng vào việc phạm tội bà D hoàn toàn không biết nên không có lỗi đối với hành vi phạm tội của bị cáo K. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của bà D, nên cần tịch thu 50% giá trị chiếc tàu (là phần giá tài sản chung của bị cáo K) để sung quỹ Nhà nước. Do đó, sau khi án có hiệu lực pháp luật, giao chiếc Tàu mang số hiệu KG – 95873TS cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang phát mãi để tịch thu sung quỹ Nhà nước 50% giá trị chiếc tàu, phần giá trị còn lại 50% giá trị thì hoàn trả lại cho bà Tôn Thị D.

(Theo quyết định chuyển vật chứng số 33/QĐ-VKSKG- P2 ngày 15/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang) (BL: 420)

Buộc bị cáo K nộp lại số tiền 15.000.000 đồng; bị cáo L 11.600.000 đồng, đây là khoản tiền thu lợi bất chính của 02 bị cáo từ hành vi phạm tội có được, để tịch thu sung quỹ Nhà nước, (hiện 02 bị cáo K và L đã nộp xong tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang nên các bị cáo không phải nộp thêm)

[9] *Về án phí*: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Văn Dũng E1, Cái Nhật C3 và Nguyễn Văn T4 là những thuyền viên được Nguyễn Văn K, Đinh Văn T1 thuê đi theo phụ giúp trên tàu,

những người này không biết K, Thật mua bán, vận chuyển dầu lậu trên vùng biển nước Campuchia nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K miễn truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp quy định pháp luật.

Còn đối với Nguyễn Thanh S theo lời khai của Nguyễn Văn K, trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ chỉ duy nhất lời Khai của K, cũng như USD ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa bà Tôn Thị D vợ K với ông Nguyễn Thanh S ngoài ra không có chứng cứ nào khác chưa đủ cơ sở để chứng minh hành vi phạm tội của Nguyễn Thanh S là người tiêu thụ dầu của K. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau; đối với Võ Văn Anh K1 thường gọi (Cọp) ở ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang là người làm thuê chạy xà lan cho Nguyễn Thanh S nhận dầu của K. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K truy tìm chưa có thông tin gì về K1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K tiếp tục điều tra xử lý sau. Đối với ông A1 người bán dầu cho K trên vùng biển Campuchia Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

* **Tuyên bố:** Các bị cáo **Nguyễn Văn K, Phạm Thành L, Đinh Văn T1** đều phạm tội “**Buôn lậu**”, theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

1. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 188, điểm s và r khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn K – 08 (T6) năm tù**, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/9/2022.

2. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 188, điểm s và r khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thành L – 07 (B1) năm tù**, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2022.

3. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 188, điểm s và r khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo **Đinh Văn T1 – 07 (B1) năm tù**, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/9/2022.

* **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ *Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước các vật chứng gồm:*

- 01 (Một) điện thoại hiệu Iphone 6, màu trắng, đã qua sử dụng của Phạm Thanh L1.

- 01 (Một) thiết bị định vị điện tử màu xám, có in ký hiệu HGP – 358A, bên hông có ghi chữ “Khải 20” màu trắng, đã qua sử dụng của Đinh Văn T5.

- 01 (Một) thiết bị điện thoại bàn phím màu đen số Imel 35887620 – 264939 – 0 của Đinh Văn T1.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh đã qua sử dụng của Nguyễn Văn K.

- 01 (Một) điện thoại VIVO màu tím đã qua sử dụng của Nguyễn Văn K.

- 46.000 lít dầu DO, được thuê kho bảo quản và niêm phong tại kho xăng dầu của Công ty L4 ở địa chỉ ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Đối với 01 (Một) tàu cá vật liệu gỗ, số hiệu đăng ký KG 95273 –TS (giấy đăng ký KG 95873 – TS); kiểu tàu đánh cá; tải trọng toàn phần 30.25 tấn; chiều dài 17.10 mét; chiều rộng 4.15 mét; ký hiệu máy CUMMINS KTA19 (đã qua sử dụng). Khi bản án có hiệu lực pháp luật, giao Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang phát mãi để tịch thu sung quỹ Nhà nước 50% giá trị chiếc tàu, phần giá trị còn lại 50% thì hoàn trả lại cho bà Tôn Thị D.

(Theo quyết định chuyển vật chứng số 33/QĐ-VKSKG- P2 ngày 15/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang) (BL: 420)

Buộc các bị cáo nộp tiền thu lợi bất chính vào Ngân sách Nhà nước gồm:

- Bị cáo Nguyễn Văn K nộp lại số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), khấu trừ số tiền bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009924 ngày 21/7/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. (Bị cáo K đã nộp xong).

- Bị cáo Phạm Thành L nộp lại số tiền 11.600.000 đồng, khấu trừ số tiền bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009907 ngày 22/6/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. (Bị cáo L đã nộp xong).

* **Về án phí:** Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo L được khấu trừ 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0009907 ngày 22/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang, như vậy bị cáo L đã nộp xong án phí.

* **Quyền kháng cáo:** Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp . HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (3);
- Đương sự (1);
- Luật sư (2);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

Nguyễn Thành Quang